SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 39 /QĐ-LTV

Đức Phổ, ngày 15 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Lương Thế Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối vơi đơn vị thực hiện dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 333/TB-SGDĐT ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Xét duyệt/ Thẩm định quyết toán ngân sách năm 20255;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT Lương Thế Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Lương Thế Vinh *(theo biểu đính kèm)*.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin của nhà trường, Website trường, Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ Văn phòng, Kế toán trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Nguyễn Quốc Việt

Biểu số 4

Đơn vị: Trường THPT Lương Thế Vinh
Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-LTV ngày 15/04/2025 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết định được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4-3	
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**1.346.545.000**	**1.346.545.000**	**0**	
1	**Lệ phí**	**20.605.000**	**20.605.000**	**0**	
2	**Phí**	**1.325.940.000**	**1.325.940.000**	**0**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**1.402.813.987**	**1.402.813.987**	**0**	
1	**Chi sự nghiệp**	**1.402.813.987**	**1.402.813.987**	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.402.813.987	1.402.813.987	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**	**0**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**	**0**	
1	**Chi quản lý hành chính**				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**	**0**	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.090.000.000	12.090.000.000	0	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.011.027.700	1.011.027.700	0	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				

Đơn vị: Trường THPT Lương Thế Vinh
Chương: 422

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết định được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4-3	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 333/TB-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024
Đơn vị được thông báo: Trường THPT Lương Thế Vinh
Mã chương: 422-070-074

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Lương Thế Vinh và Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 20/3/2025 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Lương Thế Vinh;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024 *(không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản thu hộ, chi cho các tổ chức, cá nhân có liên quan)* của Trường THPT Lương Thế Vinh như sau:

I. Phần số liệu

1. Số liệu quyết toán

a) Thu sự nghiệp:

- Tổng số thu trong năm: 905.410.000 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 905.410.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 2.290.000.000 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 12.019.963.000 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 13.101.027.700 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 13.101.027.700 đồng, trong đó:
  + Kinh phí chi thường xuyên: 12.090.000.000 đồng
  + Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/NĐ-CP: 346.000.000 đồng
  + Kinh phí không thường xuyên: 665.027.700 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí tại KBNN: 1.208.935.300 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 1.208.935.300 đồng.

Số dư kinh phí tại KBNN: 1.208.935.300 đồng; trong đó: nguồn kinh phí thường xuyên 1.176.000.000 đồng, kinh phí không thường xuyên (nguồn 12) là 32.935.300 đồng.

c) Quyết toán từ nguồn thu:

- Dự toán thu trong năm: 1.274.428.000 đ (trong đó HP: 905.410.000đ, thu căn tin 369.018.000 đồng).
- Số thu trong năm: 905.410.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán:1.243.511.187 đồng, trong đó nguồn thu học phí: 1.204.636.187 đồng và nguồn cấp bù học phí 37.675.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2.Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng ;
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng;
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

3.Thuyết minh số liệu quyết toán

(Thuyết minh rõ ràng các số liệu đầu năm, phát sinh trong kỳ và cuối năm).

Tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi được giao quản lý tương đối đảm bảo. Số tiền còn dư ở KBNN 1.208.935.300 đồng, gồm: nguồn kinh phí thường xuyên còn 1.100.000.000 đồng được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán;nguồn thường xuyên (nguồn 13) số tiền 76.000.0000 đồng *(kinh phí tiết kiệm chi 5% theo QĐ số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2024)* hủy bỏ; không thường xuyên (nguồn 12) còn lại 32.935.000 đồng (kp mua sắm và kp NĐ 81: 15.300.000đ; TT42: 500.000đ; NĐ 28: 17.135.300đ) hết nhiệm vụ chi bị hủy bỏ.

Biên chế được giao: 63 biên chế, trong năm thực hiện 61 biên chế.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b).

III. Nhận xét và kiến nghị

Đơn vị thực hiện kịp thời, đầy đủ các nội dung nhận xét và kiến nghị theo Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 20/3/2025 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Lương Thế Vinh./.

Nơi nhận:
- Trường THPT Lương Thế Vinh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- TP, PTP phòng KHTC;
- Lưu: VT, KHTC(tqh).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Sỹ

Mẫu biểu 2a

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) THU PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số 333 /TB-SGDĐT ngày 10/4 /2025)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh TH/DT (%)
A	B	1	2	3= 2/1
I	**PHÍ**	**1.284.018.000**	**1.274.428.000**	**99%**
1	Phí (học phí)	915.000.000	905.410.000	
	- Tổng số thu	915.000.000	905.410.000	
	- Số phải nộp NSNN			
	- Số được khấu trừ hoặc để lại	915.000.000	905.410.000	
2	Phí (DTHT)	**369.018.000**	**369.018.000**	
	- Tổng số thu	369.018.000	369.018.000	
	- Số phải nộp NSNN			
	- Số được khấu trừ hoặc để lại	369.018.000	369.018.000	
II	**LỆ PHÍ**	-	-	
1	Lệ phí thi THPT QG			
2	Lệ phí thi nghề...			

Mẫu biểu 2b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2024

Đơn vị: Trường THPT Lương Thế Vinh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu (01=02+03+04)	15.143.622.382
2	a. Từ NSNN cấp	14.789.065.982
3	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	354.556.400
4	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
5	Chi phí (05=06+07+08)	15.143.622.382
6	a. Chi phí hoạt động	14.789.065.982
7	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	354.556.400
8	c. Chi phí hoạt động thu phí	
9	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	1.274.428.000
11	Chi phí	1.365.912.187
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	(91.484.187)
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	3.090.775
21	Chi phí	70.839
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	3.019.936
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	**Chi phí thuế TNDN**	**36.901.800**
41	**Các khoản phải nộp NSNN khác**	
50	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)**	**(125.366.051)**
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	
53	Kinh phí cải cách tiền lương	362.164.000

Mẫu biểu 2c

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số 333/TB-SGDĐT ngày 10/04/2025)

Đơn vị: Trường THPT Lương Thế Vinh

Chương: 422

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Lương Thế Vinh						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)**	**2.290.000.000**	**2.290.000.000**	**2.290.000.000**				
2	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)*	*1.760.000.000*	*1.760.000.000*	*1.760.000.000*				
3	- Kinh phí đã nhận							
4	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	1.760.000.000	1.760.000.000	1.760.000.000				
5	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)*	*530.000.000*	*530.000.000*	*530.000.000*				
6	- Kinh phí đã nhận							
7	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	530.000.000	530.000.000	530.000.000				
8	**Dự toán được giao trong năm (08=09+10)**	**12.019.963.000**	**12.019.963.000**	**12.019.963.000**				
9	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*11.506.000.000*	*11.506.000.000*	*11.506.000.000*				
10	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*513.963.000*	*513.963.000*	*513.963.000*				
11	**Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)**	**14.309.963.000**	**14.309.963.000**	**14.309.963.000**				
12	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)*	*13.266.000.000*	*13.266.000.000*	*13.266.000.000*				
13	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)*	*1.043.963.000*	*1.043.963.000*	*1.043.963.000*				
14	**Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**				
15	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*12.090.000.000*	*12.090.000.000*	*12.090.000.000*				
16	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*1.011.027.700*	*1.011.027.700*	*1.011.027.700*				
17	**Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**	**13.101.027.700**				

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Lương Thế Vinh						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
18	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*12.090.000.000*	*12.090.000.000*	*12.090.000.000*				
19	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*1.011.027.700*	*1.011.027.700*	*1.011.027.700*				
20	**Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)**	**108.935.300**	**108.935.300**	**108.935.300**				
21	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)*	*76.000.000*	*76.000.000*	*76.000.000*				
22	- Đã nộp NSNN							
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)							
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	76.000.000	76.000.000	76.000.000				
25	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)*	*32.935.300*	*32.935.300*	*32.935.300*				
26	- Đã nộp NSNN							
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)							
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	32.935.300	32.935.300	32.935.300				
29	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)**	**1.100.000.000**	**1.100.000.000**	**1.100.000.000**				
30	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)*	*1.100.000.000*	*1.100.000.000*	*1.100.000.000*				
31	- Kinh phí đã nhận							
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000				
33	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)*							
34	- Kinh phí đã nhận							
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
36	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**							
37	**Dự toán được giao trong năm**							
38	**Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)**							
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng							
40	- Số đã ghi thu, ghi chi							
41	**Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)**							
42	**Kinh phí đề nghị quyết toán**							
43	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)**							
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							
44	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)**							
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							
46	- Số dư dự toán							

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Lương Thế Vinh						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
47	**Dự toán được giao trong năm**							
48	**Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)**							
49	**Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)**							
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN							
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN							
52	**Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán**							
53	**Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)**							
54	- Đã nộp NSNN							
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)							
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)							
57	**Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)**							
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							
59	- Số dư dự toán							
60	**Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN**							
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI							
61	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)**							
62	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
63	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
64	**Dự toán được giao trong năm (64=65+66)**							
65	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
66	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
67	**Số thu được trong năm (67=68+69)**							
68	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
69	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
70	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)**							
71	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)*							
72	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)*							
73	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)**							
74	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
75	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
76	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)**							

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Lương Thế Vinh						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
77	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)*							
78	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)*							
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI							
79	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)**	970.470.741	970.470.741	970.470.741				
80	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*970.470.741*	*970.470.741*	*970.470.741*				
81	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
82	**Dự toán được giao trong năm (82=83+84)**							
83	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
84	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
85	**Số thu được trong năm (85=86+87)**	1.274.428.000	1.274.428.000	1.274.428.000				
86	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*1.274.428.000*	*1.274.428.000*	*1.274.428.000*				
87	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
88	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)**	2.244.898.741	2.244.898.741	2.244.898.741				
89	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)*	*2.244.898.741*	*2.244.898.741*	*2.244.898.741*				
90	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)*							
91	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)**	1.402.813.987	1.402.813.987	1.402.813.987				
92	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*1.402.813.987*	*1.402.813.987*	*1.402.813.987*				
93	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
94	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)**	842.084.754	842.084.754	842.084.754				
95	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)*	*842.084.754*	*842.084.754*	*842.084.754*				
96	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)*							